

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

QUYẾT ĐỊNH số 69-TTg/TN ngày 25-4-1967 về việc cung cấp lương thực cho dân công làm thủy lợi.

Hiện nay, ở nhiều địa phương (trừ miền núi) trên các công trường làm thủy lợi, chính sách và chế độ cung cấp lương thực cho dân công không được chấp hành nghiêm chỉnh, ngoài phần lương thực Nhà nước phải cung cấp chênh lệch để đảm bảo đủ mức ăn cho mỗi dân công mỗi ngày 0kg700 lương thực quy gạo (21kg một tháng), các công trường còn dùng lương thực để bán thêm cho dân công khi làm việc tăng năng suất, vượt định mức, nâng mức ăn lên quá cao so với tiêu chuẩn đã quy định.

Như vậy là trái với chỉ thị số 141-TTg/NN của Thủ tướng Chính phủ ban hành ngày 25 tháng 7 năm 1966 về việc đẩy mạnh hơn nữa tổ chức đội thủy lợi... (phần nói về chế độ cung cấp lương thực).

Căn cứ vào khả năng cung cấp lương thực của Nhà nước, vào yêu cầu phục vụ và thúc đẩy sản xuất nông nghiệp phát triển và để đảm bảo mức ăn cần thiết cho dân công làm thủy lợi, đồng thời giữ được mối quan hệ về tiêu chuẩn cung cấp lương thực giữa dân công làm thủy lợi với các đối tượng như thanh niên xung phong, quân đội được hợp lý, Thủ tướng Chính phủ quyết định:

1. Từ nay, tất cả dân công trên các công trường làm thủy lợi dù thuộc trung ương hay địa phương, dù ở miền xuôi hay miền núi, tùy theo tính chất của từng loại công việc, tiêu chuẩn cung cấp lương thực cho mỗi dân công tối đa không quá 0kg700 lương thực quy gạo một ngày (21kg một tháng) tính cả phần lương thực do dân công tự túc cộng với phần Nhà nước cung cấp chênh lệch. Ngoài ra, không được cung cấp thêm các khoản lương thực nào khác. Trường hợp dân công đã làm việc ban ngày (8 giờ) nhưng do yêu cầu của công trường, dân công phải làm việc thêm ban đêm (4 giờ trở lên), đối với trường hợp này sẽ được cấp thêm 0kg100 lương thực quy gạo cho mỗi dân công.

Dân công làm việc tăng năng suất, vượt định mức, cần được khen thưởng thì khen thưởng bằng tiền hoặc bằng hiện vật khác tùy theo khả năng thực tế của từng địa phương, tuyệt đối không được dùng lương thực để bán thưởng. Kiên quyết chống mọi hiện tượng tham ô, lãng phí lao động, vật tư, tài chính và lương thực trên các công trường.

2. Tất cả các quy định trước đây về tiêu chuẩn cung cấp lương thực cho dân công làm thủy lợi của các cơ quan Nhà nước ở trung ương và địa phương trái với quyết định này đều bãi bỏ.

3. Các ông Bộ trưởng Bộ Thủy lợi, Tổng cục trưởng Tổng cục lương thực, Chủ tịch Ủy ban hành chính khu, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm thi hành nghiêm chỉnh quyết định này. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Hà-nội, ngày 25 tháng 4 năm 1967

K.T. Thủ tướng Chính phủ

Phó thủ tướng

PHẠM HÙNG

CHỈ THỊ số 74-TTg/NN ngày 10-5-1967 về việc phát triển nuôi tằm thâu dầu, lá sắn.

Việc nuôi tằm thâu dầu, lá sắn có giá trị kinh tế lớn. Tơ tằm thâu dầu, lá sắn thuộc loại tơ tốt. Nhộng làm thực phẩm, phân hạt làm phân bón có giá trị dinh dưỡng cao. Việc nuôi tằm thâu dầu, lá sắn ở nước ta có nhiều thuận lợi. Tằm thâu dầu, lá sắn thuộc loại tằm đại, khỏe, phàm ăn, đối với khí hậu của nước ta cũng dễ nuôi. Đặc biệt lá sắn ở nước ta rất nhiều, nguồn thức ăn của tằm có sẵn, rất dồi dào. Do đó, phát triển nuôi tằm thâu dầu, lá sắn là một trong những biện pháp thiết thực nhất để tăng thu nhập, cải thiện đời sống cho hợp tác xã và xã viên ở những vùng trồng nhiều sắn, đồng thời tăng nguồn hàng xuất khẩu, góp phần giải quyết vấn đề mặc của nhân dân ta.

Mấy năm gần đây, nhiều địa phương đã phát triển nuôi tằm thâu dầu, lá sắn và bước đầu đã thu được những kết quả tốt. Nhưng nhìn chung, phong trào chưa đều, chưa mạnh và còn thiếu vững chắc. Nguyên nhân của tình hình đó một phần là do việc nuôi tằm thâu dầu, lá sắn ở ta còn mới, thiếu kinh nghiệm và một phần là do các ngành có trách nhiệm và Ủy ban hành chính các cấp nhận thức chưa rõ vị trí của tằm thâu dầu, lá sắn nên chưa quan tâm đầy đủ và tổ chức chỉ đạo thực hiện thiếu chặt chẽ.

Vì vậy, Thủ tướng Chính phủ yêu cầu các Bộ, các ngành có liên quan và Ủy ban hành chính các cấp:

1. Trong những năm trước mắt cũng như sau này, phải tích cực phát triển việc nuôi tằm

thầu dầu, lá sắn để tăng thu nhập, cải thiện đời sống cho hợp tác xã và xã viên ở những vùng trồng nhiều sắn và tăng nguồn hàng xuất khẩu, góp phần thiết thực giải quyết vấn đề mặc cho nhân dân ta. Phải coi trọng tằm thầu dầu, lá sắn cũng như đối với tằm dâu. Phải phát triển tằm thầu dầu, lá sắn một cách có kế hoạch, có chính sách khuyến khích đầy đủ và có chỉ đạo chặt chẽ. Chỉ tiêu sản xuất và thu mua tằm thầu dầu, lá sắn phải ghi vào kế hoạch Nhà nước và cũng phải được chấp hành nghiêm chỉnh như các chỉ tiêu khác của kế hoạch Nhà nước. Phải ra sức cải tiến kỹ thuật chăn nuôi và chế biến để nâng cao năng suất, sản lượng và phẩm chất tơ kén, bảo đảm thu được hiệu quả kinh tế cao nhất, tốt nhất.

Trước mắt, trong năm 1967, phải tích cực đẩy mạnh việc nuôi tằm thầu dầu, lá sắn ở những vùng trồng nhiều sắn và đã có kinh nghiệm, nhất là đối với các tỉnh trung du và khu 4 cũ và chuẩn bị mọi mặt để các năm sau mở rộng ra. Phải phấn đấu để trong năm 1967 đạt ít nhất cũng phải gấp đôi năm rồi và chuẩn bị phát triển mạnh đến năm 1970.

2. Để bảo đảm thực hiện tốt phương hướng, nhiệm vụ nói trên, về biện pháp và chính sách phải chú trọng:

Giống tằm là khâu quyết định nhất đối với việc nuôi tằm thầu dầu, lá sắn. Bộ Nông nghiệp cần bảo đảm cung cấp đủ giống và giống tốt cho hợp tác xã và xã viên, không để một nơi nào phải nuôi những giống tằm thoái hóa hoặc bị nhiễm bệnh. Cần gấp rút xây dựng hệ thống trại, trạm sản xuất trứng giống tằm thầu dầu, lá sắn để phục vụ kịp thời yêu cầu phát triển sản xuất của hợp tác xã và xã viên. Trước mắt, cần xây dựng ngay trại giống tằm thầu dầu, lá sắn của trung ương, các trại giống tằm thầu dầu, lá sắn cấp I và các trạm nhân giống cho các tỉnh có nuôi nhiều tằm thầu dầu, lá sắn. Việc xây dựng các trại, trạm giống tằm thầu dầu, lá sắn cần bảo đảm yêu cầu về kỹ thuật, nhưng phải hết sức đơn giản, tiết kiệm, tránh phô trương, hình thức, lãng phí.

Việc nuôi tằm thầu dầu, lá sắn ở nước ta còn mới, kinh nghiệm chưa nhiều, do đó Bộ Nông nghiệp phải hướng dẫn kỹ thuật cho hợp tác xã một cách cụ thể và chặt chẽ. Phải tổng kết kinh nghiệm của những nơi đã nuôi tốt để phổ biến cho những nơi mới nuôi hoặc còn ít kinh nghiệm. Phải tích cực đào tạo kỹ thuật viên nuôi tằm thầu dầu, lá sắn cho các hợp tác xã. Phải bảo đảm nơi nào nuôi tằm sắn đều phải tốt, không để hư hỏng xảy ra, gây thiệt hại cho hợp tác xã và xã viên.

Phải cố gắng trang bị mức tối cần thiết cho các trại, trạm giống và các hợp tác xã nuôi tằm

thầu dầu, lá sắn nhưng dụng cụ để làm giống và nuôi tằm như kính hiển vi, lanne, la men, âm kế, nhiệt kế, hóa chất trừ bệnh v.v... Đồng thời, hướng dẫn cho hợp tác xã tích cực khai thác nguyên liệu của địa phương để làm buồng tằm, nong, nia, dũi, né v.v... để nuôi tằm, không ý lại vào Nhà nước.

Phải hướng dẫn cho hợp tác xã tích cực thâm canh sắn và khai thác lá hợp lý, đúng kỹ thuật để vừa có nhiều lá nuôi được nhiều tằm, vừa tăng năng suất cả trên đơn vị diện tích. Phải làm cho hợp tác xã sản xuất nông nghiệp nhận thức thật rõ rằng nếu cứ trồng sắn theo cách hiện nay, không thâm canh, thì chẳng những không có nhiều lá để nuôi nhiều tằm, mà cả củ cũng chẳng được bao nhiêu. Đồng thời, hướng dẫn cho hợp tác xã trồng thêm thầu dầu để khai thác lá nuôi tằm con và lấy hạt bán cho Nhà nước.

Phải giúp cho hợp tác xã quản lý cho được việc nuôi tằm thầu dầu, lá sắn và quản lý thật tốt. Phải giúp cho hợp tác xã xây dựng chỗ được chính sách công điền hợp lý để khuyến khích xã viên tích cực phát triển chăn nuôi tằm, đồng thời biết cách tổ chức nuôi tằm ở trong hợp tác xã cho thật tốt để thu được lợi ích kinh tế cao.

Phải tích cực nghiên cứu việc chế biến kén tằm thầu dầu, lá sắn. Trước mắt, phải tổ chức tốt việc kéo sợi dũi và dệt dũi để tăng giá trị của tơ kén tằm thầu dầu, lá sắn.

Về chính sách, phải thực hiện tốt chính sách bán thương vải cho các hợp tác xã và xã viên nuôi tằm thầu dầu, lá sắn bán tơ kén cho Nhà nước như đã quy định trong chỉ thị số 107 TTg/TN ngày 31-8-1965. Riêng đối với miền núi, có thể bán thay bằng các loại sợi thích hợp với thị hiếu của đồng bào các dân tộc.

3. Về tổ chức chỉ đạo thực hiện. Thủ tướng Chính phủ giao cho Bộ Nông nghiệp phụ trách khâu chỉ đạo sản xuất, chỉ đạo kỹ thuật bao gồm cả việc lập kế hoạch sản xuất, chỉ đạo thực hiện, đào tạo cán bộ kỹ thuật, cung cấp trứng giống, v.v...; Bộ Ngoại thương phụ trách khâu thu mua và chế biến thành tơ. Bộ Nông nghiệp, Bộ Ngoại thương và Ủy ban hành chính các khu, tỉnh cần có kế hoạch cụ thể để tăng cường chỉ đạo việc phát triển nuôi tằm thầu dầu, lá sắn cũng như đối với các loại sản xuất khác. Cần phải sắp xếp, bố trí hợp lý cán bộ tằm thầu dầu, lá sắn cho Cục dâu tằm thuộc Bộ Nông nghiệp và cho các sở, ty nông nghiệp để đủ sức giúp bộ và Ủy ban hành chính các khu, tỉnh theo dõi chỉ đạo chặt chẽ phong trào chung và riêng trong từng địa phương.

Thủ tướng Chính phủ yêu cầu Bộ Nông nghiệp, Bộ Ngoại thương, các ngành có liên quan khác và Ủy ban hành chính các tỉnh có kế hoạch cụ thể đề thi hành đầy đủ chỉ thị này và báo cáo kết quả cho Thủ tướng Chính phủ biết sau mỗi mùa nuôi tằm thâu dầu, lá sắn và thu hoạch tơ thâu dầu, lá sắn.

Hà-nội, ngày 10 tháng 5 năm 1967

K.T. Thủ tướng Chính phủ

Phó thủ tướng

PHẠM HÙNG

CÁC BỘ

BỘ NỘI VỤ

QUYẾT ĐỊNH số 162-NV ngày 25-4-1967
phê chuẩn việc thành lập thị trấn nông trường Thạch-thành, thuộc huyện Thạch-thành, tỉnh Thanh-hóa.

BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ

Căn cứ nghị định số 130-CP ngày 29-9-1961 của Hội đồng Chính phủ quy định nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Bộ Nội vụ;

Căn cứ quyết định số 56-CP ngày 24-4-1963 của Hội đồng Chính phủ ủy nhiệm cho Bộ Nội vụ phê chuẩn việc phân vạch địa giới có liên quan đến các đơn vị hành chính xã, thị trấn;

Theo đề nghị của Ủy ban hành chính tỉnh Thanh-hóa,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1 — Nay phê chuẩn việc thành lập thị trấn nông trường Thạch-thành, trực thuộc huyện Thạch-thành tỉnh Thanh-hóa.

Điều 2 — Ủy ban hành chính tỉnh Thanh-hóa, các ông Chánh văn phòng, Vụ trưởng Vụ chính quyền địa phương Bộ Nội vụ chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Hà-nội, ngày 25 tháng 4 năm 1967

K.T. Bộ trưởng Bộ Nội vụ

Thủ trưởng

LÊ TẮT ĐẮC

QUYẾT ĐỊNH số 163-NV ngày 25-4-1967
phê chuẩn việc sửa đổi một số đơn vị hành chính xã thuộc huyện Duy-tiên tỉnh Nam-hà.

BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ

Căn cứ nghị định số 130-CP ngày 29-9-1961 của Hội đồng Chính phủ quy định nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Bộ Nội vụ;

Căn cứ quyết định số 56-CP ngày 24-4-1963 của Hội đồng Chính phủ ủy nhiệm cho Bộ Nội vụ phê chuẩn việc phân vạch địa giới có liên quan đến các đơn vị hành chính xã, thị trấn;

Theo đề nghị của Ủy ban hành chính tỉnh Nam-hà,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1 — Nay phê chuẩn việc hợp nhất các xã thuộc huyện Duy-tiên, tỉnh Nam-hà như sau:

a) Hợp nhất hai xã Chuyên-mỹ và Yên-hà lấy tên là xã Chuyên-ngoại;

b) Hợp nhất hai xã Thăng-lợi và Thành-công lấy tên là xã Trác-văn;

c) Hợp nhất hai xã Tiên-hương và Tiên-minh lấy tên là xã Yên-nam;

d) Hợp nhất hai xã Tiên-hồng và Tiên-hòa lấy tên là xã Lam-cầu-hạ;

e) Hợp nhất hai xã Tiên-thái và Tiên-lý lấy tên là xã Hoàng-đông.

Điều 2 — Ủy ban hành chính tỉnh Nam-hà, các ông Chánh văn phòng, Vụ trưởng Vụ chính quyền địa phương Bộ Nội vụ chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Hà-nội, ngày 25 tháng 4 năm 1967

K.T. Bộ trưởng Bộ Nội vụ

Thủ trưởng

LÊ TẮT ĐẮC

QUYẾT ĐỊNH số 164-NV ngày 25-4-1967
phê chuẩn việc sửa đổi một số đơn vị hành chính xã thuộc huyện Thạch-thành, tỉnh Thanh-hóa.

BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ

Căn cứ nghị định số 130-CP ngày 29-9-1961 của Hội đồng Chính phủ quy định nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Bộ Nội vụ;